

Số: 03/2018/QĐST- KDTM

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2017/TLST - KDTM, ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng L.

Địa chỉ: 133 – 135 C, khu phố D, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1958 – chức vụ: Giám đốc.

Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên xây dựng S.

Địa chỉ: Tổ G, phường TL, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật ông Lê Minh Đ, sinh năm: 1973 – là giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy N - chức vụ: Phó Trưởng phòng kế Toán công ty TNHH một thành viên xây dựng S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nội dung vụ án: Công ty TNHH một thành viên xây dựng S có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH xây dựng L số tiền gốc là 480.672.444 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi

bốn đồng) và không phải chịu lãi suất do công ty TNHH xây dựng L không yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời điểm thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

2. Về án phí: Công ty TNHH một thành viên xây dựng S phải nộp 11.613.448đ (Mười một triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại cho công ty TNHH xây dựng L số tiền 12.050.000đ (Mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005816, ngày 11/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà